

Số: 2228/QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành chương trình và phê duyệt tổ chức đào tạo

#### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của đại học quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tại Công văn số 852/KHLNNT-ĐT&CTSV ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ mở chương trình đào tạo ngành Kiến trúc nội thất, trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường Ban Đào tạo và Công tác sinh viên.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo Nội thất bền vững, thuộc ngành Kiến trúc nội thất trình độ đại học, mã số: 7580103.

**Điều 2.** Giao cho Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tổ chức đào tạo theo đúng các quy định hiện hành có liên quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Quốc gia Hà Nội.


**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2026 của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Công tác sinh viên, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Hiệu trưởng Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, Y5.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đào Thanh Trường**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**CHƯƠNG TRÌNH** : NỘI THẤT BỀN VỮNG  
**NGÀNH** : KIẾN TRÚC NỘI THẤT  
**MÃ SỐ** : 7580103

(Ban hành theo Quyết định số 2228/QĐ-ĐHQGHN, ngày 28 tháng 5 năm 2026  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

**1. Thông tin chung**

<b>Tên chương trình</b>	
- Tiếng Việt:	Nội thất bền vững
- Tiếng Anh:	<i>Sustainable Interiors</i>
<b>Tên ngành</b>	
- Tiếng Việt:	Kiến trúc nội thất
- Tiếng Anh:	<i>Interior Architecture</i>
<b>Mã ngành</b>	7580103
<b>Danh hiệu tốt nghiệp</b>	Cử nhân
<b>Ngôn ngữ đào tạo</b>	Tiếng Việt
<b>Thời gian đào tạo chuẩn</b>	04 năm
<b>Tên văn bằng tốt nghiệp</b>	
- Tiếng Việt:	Cử nhân ngành Kiến trúc nội thất
- Tiếng Anh:	<i>The Degree of Bachelor in Interior Architecture</i>
<b>Đơn vị tổ chức đào tạo</b>	Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, Đại học Quốc gia Hà Nội

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo****2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo Cử nhân Nội thất bền vững của Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật, ĐHQGHN nhằm đào tạo người học có kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành; có năng lực thiết kế, kỹ thuật công nghệ và tư duy thẩm mỹ; có thái độ nghề nghiệp và trách nhiệm đáp ứng nhu cầu xã hội về nhân lực trong lĩnh vực quản lý, thiết kế, thi công công trình nội thất; có khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa và khả năng hội nhập quốc tế.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình Cử nhân Nội thất bền vững nhằm các mục tiêu cụ thể sau:

### **- Mục tiêu về kiến thức**

PO1: Có kiến thức nền tảng về giáo dục đại cương, cơ sở ngành, kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực nội thất.

PO2: Có khả năng thực hiện các công việc liên quan đến thiết kế, sáng tạo, quản lý và thi công trong lĩnh vực nội thất đáp ứng nhu cầu xã hội.

### **- Mục tiêu về kỹ năng**

PO3: Có kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp cần thiết, khả năng cập nhật và thích ứng linh hoạt với các xu thế sáng tạo; khả năng kết nối và huy động sự tham gia của các bên liên quan để làm việc trong môi trường chuyên môn, liên ngành.

### **- Mục tiêu về mức độ tự chủ và trách nhiệm**

PO4: Có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp trong việc sử dụng kiến thức kỹ năng vào thiết kế, thi công, quản lý và điều hành các hoạt động trong lĩnh vực nội thất đáp ứng nhu cầu xã hội.

## **3. Chuẩn đầu ra**

### **3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

**PLO1:** Vận dụng (3) kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành, kiến thức chung về quản trị trong lĩnh vực chuyên môn để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong thực hiện các dự án kiến trúc nội thất

**PLO2:** Phát triển (5) được các kiến thức về tạo lập phong cách thiết kế, truyền thông và đương đại trong nội thất, kiến thức về quản lý dự án, phát triển và sản xuất sản phẩm để thiết kế được những sản phẩm và không gian nội thất bền vững có giá trị thẩm mỹ, giá trị văn hóa đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội.

### **3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng**

**PLO3:** Thử nghiệm (4) được các kỹ thuật và công nghệ cho thiết kế nội thất, kỹ thuật thi công và vật liệu xây dựng hiện đại tích hợp trong phát triển các sản phẩm và môi trường nội thất bền vững.

**PLO4:** Phối hợp (4) kỹ năng làm việc độc lập với làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và phát triển các mối quan hệ với các bên liên quan trong các hoạt động thiết kế và thi công nội thất.

**PLO5:** Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, đáp ứng yêu cầu giao tiếp, học tập, nghiên cứu và làm việc cơ bản trong lĩnh vực đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn để phục vụ hiệu quả việc quản lý, thiết kế và thi công dự án nội thất.

### 3.3. Chuẩn đầu ra về mức độ tự chủ và trách nhiệm

**PLO6:** Thể hiện (3) đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và các nguyên tắc pháp lý trong các hoạt động chuyên môn.

### 3.4. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp từ chương trình cử nhân nội thất có thể làm việc ở cả khối nhà nước, khối tư nhân và khối phi chính phủ, cụ thể tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức của Nhà nước và tư nhân hoạt động trong lĩnh vực Kiến trúc - nội thất, Thiết kế và phát triển sản phẩm.

Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp gồm:

- *Nhân viên thiết kế:* Làm việc bộ phận thiết kế của tổ chức, doanh nghiệp theo từng hướng chuyên môn như thiết kế nội thất, thiết kế bề mặt vật liệu, thiết kế đồ đạc và trang thiết bị nội thất...

- *Chuyên viên sáng tạo:* Là nhân viên của bộ phận sáng tạo, chịu trách nhiệm xây dựng ý tưởng sáng tạo cho sản phẩm, thương hiệu, chiến dịch truyền thông...

- *Giám sát và Quản lý thiết kế:* Chịu trách nhiệm quản lý và xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ của đơn vị mình quản lý, phân công công việc và chủ trì kiểm soát, quản lý thiết kế do tư vấn bên ngoài thực hiện, trực tiếp làm việc với các công ty tư vấn thiết kế trong và ngoài nước, chủ trì quản lý thiết kế, triển khai dự án theo phân công, quản lý và giao nhiệm vụ cho nhân viên thuộc đơn vị phụ trách.

- *Giám đốc Sáng tạo:* Chịu trách nhiệm xây dựng hình ảnh thương hiệu của doanh nghiệp, thực hiện các công việc liên quan đến hình ảnh, thông điệp của các nhãn hàng hay công ty thông qua các kênh truyền thông. Đây là chức vụ quan trọng tại các công ty hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, truyền thông, quảng cáo... Là người lãnh đạo xây dựng các ý tưởng thiết kế, sáng tạo các chiến dịch truyền thông, hướng dẫn cấp dưới thực hiện các công việc theo kế hoạch.

- *Giám đốc Thiết kế:* Tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát toàn bộ các hoạt động của đơn vị thiết kế; quản lý thiết kế theo trình tự thực hiện dự án và theo phạm vi công việc chuyên môn; quản lý thủ tục pháp lý dự án liên quan đến quy hoạch, thiết kế quy hoạch, thiết kế cơ sở, hồ sơ phê duyệt dự án đầu tư; quản lý nhà thầu cung cấp các dịch vụ và chi phí liên quan đến thiết kế; quản lý việc lập hoặc kiểm tra khái toán, dự toán về khối lượng phục vụ cho công tác xác định chi phí cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết kế và gia công sản phẩm.

- *Giảng dạy và Nghiên cứu:* Giảng dạy về lĩnh vực Kiến trúc nội thất, Thiết kế trong các cơ sở đào tạo; Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành Thiết kế và Mỹ thuật ứng dụng ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng trong và ngoài nước.

- *Kinh doanh và Khởi nghiệp:* Phát triển ý tưởng và tạo dựng doanh nghiệp kinh doanh và khởi nghiệp, cung cấp dịch vụ thiết kế và sáng tạo.

- *Các vị trí liên quan:* Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các sở sản xuất sản phẩm thiết kế đa phương tiện hoặc nội thất; Làm việc ở các cơ quan quản lý có liên quan đến ngành kiến trúc nội thất và mỹ thuật ứng dụng nói chung.

### **3.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Cử nhân Kiến trúc nội thất có thể học lên Kiến trúc sư nội thất hoặc cao học các ngành liên quan đến Kiến trúc nội thất, và các chuyên ngành phù hợp khác trong danh mục thống kê ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **4. Thông tin tuyển sinh**

### **4.1. Đối tượng tuyển sinh**

Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương, đáp ứng điều kiện tuyển sinh đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật.

### **4.2. Yêu cầu đầu vào**

Thí sinh cần có nền tảng kiến thức trung học phổ thông phù hợp với yêu cầu học tập đại học; có năng lực quan sát không gian, cảm thụ thẩm mỹ, tư duy hình ảnh, tư duy tạo hình và khả năng tổ chức công năng trong lĩnh vực nội thất, kiến trúc nội thất.

Chương trình ưu tiên tuyển chọn thí sinh có tiềm năng thiết kế sáng tạo, quan tâm đến không gian sống, vật liệu, ánh sáng, màu sắc, trải nghiệm người sử dụng và các giải pháp thiết kế bền vững, nhân văn, giàu bản sắc.

### **4.3. Phương thức tuyển sinh**

Chương trình tuyển sinh theo các phương thức tuyển sinh đại học chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật quy định, công bố hằng năm.

Các phương thức tuyển sinh có thể bao gồm: xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội; xét tuyển kết hợp; xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và các phương thức khác theo quy định hiện hành.

Đối với tất cả các phương thức xét tuyển, thí sinh bắt buộc phải có thêm kết quả của bài thi **Năng khiếu mỹ thuật** đạt ngưỡng yêu cầu. Bài thi **Năng khiếu mỹ thuật** là bài thi do Trường Khoa học liên ngành và Nghệ thuật tổ chức nhằm đánh giá năng lực thẩm mỹ, tư duy tạo hình, khả năng cảm nhận không gian, tổ chức bố cục và tiềm năng thiết kế sáng tạo của thí sinh.

Các tổ hợp xét tuyển được xác định theo Thông tin tuyển sinh hằng năm của Trường; trong đó, chương trình ưu tiên các tổ hợp có môn năng khiếu mỹ thuật như H00, H02, H01, H07 hoặc các tổ hợp phù hợp khác nhằm bảo đảm đánh giá đúng năng lực thẩm mỹ, tư duy tạo hình, khả năng cảm nhận không gian và tiềm năng thiết kế sáng tạo của thí sinh.

#### 4.4. Quy mô tuyển sinh

Quy mô tuyển sinh hằng năm được xác định theo chỉ tiêu do Đại học Quốc gia Hà Nội giao và phù hợp với năng lực đào tạo của Trường.

### 5. Phương pháp giảng dạy và đánh giá

#### 5.1. Phương pháp giảng dạy

Các phương pháp giảng dạy sau được triển khai trong Chương trình đào tạo Nội thất bền vững:

Phương pháp giảng dạy	Nội dung thực hiện	Mục đích
<b>1. Nhóm phương pháp truyền đại kiến thức nền tảng</b>		
Thuyết giảng tích cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp với các môn học lý thuyết</li> <li>- Kết hợp câu hỏi gợi mở, mini quiz, phản hồi nhanh</li> </ul>	Giảng viên sử dụng kỹ thuật đặt vấn đề, thảo luận ngắn, câu hỏi phản hồi nhanh nhằm tăng tính tương tác và kiểm tra mức độ tiếp thu của sinh viên.
Phân tích tình huống (Case - Based - Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phù hợp các môn học quản lý</li> <li>- Phân tích công trình thực tế, dự án kiến trúc nội thất tiêu biểu</li> <li>- Quá trình học tập diễn ra theo mô hình “phản biện liên tục” (crit session), trong đó giảng viên đóng vai trò định hướng và cố vấn chuyên môn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giúp phát triển tư duy phản biện và năng lực đánh giá.</li> <li>- Phương pháp này được triển khai xuyên suốt từ năm thứ nhất đến đồ án tốt nghiệp.</li> </ul>
<b>2. Nhóm phương pháp phát triển năng lực thiết kế</b>		
Giảng dạy theo mô hình studio tích hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương pháp cốt lõi của ngành</li> <li>- Thực hiện đồ án thiết kế theo đề bài gắn với bối cảnh thực tiễn;</li> <li>- Sinh viên phát triển ý tưởng, concept</li> <li>- triển khai kỹ thuật</li> <li>- Tham gia phản biện định kỳ và phản biện cuối kỳ.</li> </ul>	Mô hình studio giúp phát triển tư duy Thiết kế bền vững (nội thất) và năng lực giải quyết vấn đề tổng hợp.
Học tập dựa trên dự án (Project - Based learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Học thông qua dự án thực tế hoặc mô phỏng</li> <li>- Có thể kết hợp với doanh nghiệp và các tổ chức nghề nghiệp</li> <li>- Minh chứng hiệu quả thông qua mô phỏng hoặc phân tích kỹ thuật.</li> </ul>	Phương pháp này tăng cường khả năng tích hợp kiến thức liên ngành, giúp phát triển năng lực giải quyết vấn đề, làm việc nhóm và quản lý tiến độ dự án.
Học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng tình huống/ vấn đề thực tiễn</li> <li>- Phân tích và xác định nhu cầu kiến thức</li> <li>- Tự học và nghiên cứu độc lập</li> </ul>	Sinh viên thảo luận nhóm, đề xuất giải pháp và bảo vệ quan điểm trước lớp.
Học tập dựa vào hệ thống thiết kế	Quy trình: Empathy - Define - Ideate - Prototype - Test.	Áp dụng cho học phần ý tưởng, khởi nghiệp sáng tạo.

<b>Phương pháp giảng dạy</b>	<b>Nội dung thực hiện</b>	<b>Mục đích</b>
tư duy (Design thinking)		
Học tập trải nghiệm và thực địa	- Tham quan công trình thực tế, khảo sát làng nghề - Thực tập tại showroom, xưởng sản xuất, nhà máy, văn phòng thiết kế... -Workshop, tọa đàm với chuyên gia và doanh nghiệp	Hoạt động này giúp sinh viên tiếp cận thực tiễn nghề nghiệp và yêu cầu thị trường.
<b>3. Nhóm phương pháp ứng dụng công nghệ</b>		
Thực hành phòng Lab (Practice-Based / Lab-Based Learning)	CAD, 3D, BIM, AI, mô phỏng chiếu sáng - năng lượng.	Sinh viên học qua thao tác trực tiếp.
Học tập tích hợp (Blended Learning)	Kết hợp học trực tiếp và nền tảng số.	Ứng dụng LMS, thư viện số, AI hỗ trợ học tập.
Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)	Sinh viên nghiên cứu trước tài liệu.	Trên lớp tập trung thảo luận, thực hành.
<b>4. Nhóm phương pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp</b>		
Học tập hợp tác (Collaborative Learning)	Làm việc nhóm theo vai trò: concept - kỹ thuật - trình bày.	Rèn kỹ năng giao tiếp và quản lý thời gian.
Học tập phục vụ cộng đồng (Service Learning)	Thiết kế không gian cho làng nghề, trường học, không gian công cộng.	Kết hợp trách nhiệm xã hội và thực tiễn.
Học tập thông qua các hoạt động thực tế (Work-Integrated Learning (WIL))	Thực tập doanh nghiệp.	Mentor từ đơn vị thiết kế tham gia giảng dạy.
<b>5. Nhóm phương pháp nghiên cứu và học thuật</b>		
Học tập dựa trên truy vấn (Inquiry-Based Learning)	Sinh viên tự đặt câu hỏi nghiên cứu.	Phù hợp: Nội thất bền vững, văn hóa bản địa.
Seminar - Phân biện học thuật	Trình bày - phân biện - thảo luận.	Phát triển tư duy lý luận và kỹ năng học thuật.
<b>6. Nhóm phương pháp đánh giá tích hợp trong giảng dạy</b>		

Phương pháp giảng dạy	Nội dung thực hiện	Mục đích
Hội đồng đánh giá đồ án (Jury / Crit Session)	Hội đồng chấm đồ án.	Đánh giá đa chiều (giảng viên - chuyên gia - doanh nghiệp).
Đánh giá dựa trên hồ sơ năng lực (Portfolio-Based Assessment)	Tích lũy hồ sơ thiết kế xuyên suốt 4 năm.	Phản ánh sự phát triển năng lực cá nhân.

## 5.2. Phương pháp đánh giá

Hoạt động kiểm tra, đánh giá trong chương trình được thiết kế theo tiếp cận đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra, bảo đảm sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu đào tạo, phương pháp giảng dạy và hình thức đánh giá. Các phương pháp đánh giá cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
Thuyết giảng tích cực	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra viết (tự luận hoặc trắc nghiệm);</li> <li>- Bài phân tích tình huống;</li> <li>- Tiểu luận cá nhân;</li> <li>- Kiểm tra ngắn (quiz) trong quá trình học.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ nắm vững kiến thức;</li> <li>- Khả năng phân tích và vận dụng lý thuyết;</li> <li>- Tư duy phản biện và lập luận logic.</li> </ul>
Phân tích tình huống (Case - Based - Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài phân tích tình huống cá nhân hoặc theo nhóm</li> <li>- Thảo luận, phản biện trên lớp</li> <li>- Báo cáo đề xuất giải pháp thiết kế</li> <li>- Thuyết trình và trả lời câu hỏi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng nhận diện và phân tích vấn đề</li> <li>- Năng lực đề xuất giải pháp</li> <li>- Tư duy phản biện và lập luận</li> <li>- Kỹ năng trình bày và làm việc nhóm</li> </ul>
Giảng dạy theo mô hình studio tích hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tiến trình (crit session);</li> <li>- Chấm đồ án giữa kỳ;</li> <li>- Jury cuối kỳ (hội đồng giảng viên và chuyên gia);</li> <li>- Hồ sơ thiết kế (portfolio).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ý tưởng và tính sáng tạo;</li> <li>- Giải pháp tổ chức không gian;</li> <li>- Tính khả thi kỹ thuật;</li> <li>- Mức độ tích hợp bền vững;</li> <li>- Chất lượng trình bày và thuyết minh.</li> <li>- Đánh giá được thực hiện bằng rubric chi tiết theo thang điểm quy định.</li> </ul>
Học tập dựa trên dự án (Project - Based learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ dự án (bản vẽ, mô hình, mô phỏng);</li> <li>- Báo cáo tiến độ;</li> <li>- Thuyết trình dự án;</li> <li>- Phản biện của giảng viên và chuyên gia doanh nghiệp (nếu có).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng quản lý tiến độ và tổ chức dự án;</li> <li>- Tính tích hợp công nghệ;</li> <li>- Mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn;</li> <li>- Tính chuyên nghiệp của sản phẩm.</li> </ul>
Học tập dựa trên vấn đề (Problem-Based Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quá trình làm việc nhóm;</li> <li>- Báo cáo phân tích vấn đề;</li> <li>- Sản phẩm thiết kế hoặc đề xuất giải pháp;</li> <li>- Thuyết trình và phản biện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng xác định và phân tích vấn đề;</li> <li>- Tính hợp lý và sáng tạo của giải pháp;</li> <li>- Kỹ năng nghiên cứu và tổng hợp</li> </ul>

Phương pháp giảng dạy	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
		thông tin; - Tinh thần hợp tác và phân công nhiệm vụ.
Học tập dựa vào hệ thống thiết kế tư duy (Design thinking)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo nghiên cứu người dùng và xác định vấn đề</li> <li>- Hồ sơ phát triển ý tưởng (brainstorm, concept sketch)</li> <li>- Mô hình thử nghiệm (prototype)</li> <li>- Thuyết trình và phản biện</li> <li>- Nhật ký quá trình (process logbook)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ thấu hiểu người dùng</li> <li>- Năng lực sáng tạo ý tưởng</li> <li>- Chất lượng prototype và thử nghiệm</li> <li>- Tư duy quy trình và phản biện</li> </ul>
Học tập trải nghiệm và thực địa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo khảo sát thực địa (site analysis report)</li> <li>- Nhật ký học tập và phản tư (reflection journal)</li> <li>- Sản phẩm ghi chép: ký họa, ảnh chụp, sơ đồ phân tích</li> <li>- Bài thuyết trình tổng kết và đề xuất giải pháp</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng quan sát và thu thập dữ liệu thực tế</li> <li>- Năng lực phân tích và liên hệ lý thuyết</li> <li>- Khả năng phản tư và học tập từ trải nghiệm</li> <li>- Kỹ năng trình bày và làm việc nhóm (nếu có)</li> </ul>
Thực hành phòng Lab (Practice-Based / Lab-Based Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài tập thực hành cá nhân;</li> <li>- Sản phẩm mô hình số (CAD, 3D, BIM, AI);</li> <li>- Portfolio kỹ thuật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ chính xác kỹ thuật;</li> <li>- Khả năng vận dụng phần mềm;</li> <li>- Mức độ hoàn thiện hồ sơ triển khai.</li> </ul>
Học tập tích hợp (Blended Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra/nghiệm thu nội dung học trực tuyến (quiz, bài tập LMS)</li> <li>- Thảo luận, giải quyết vấn đề trên lớp</li> <li>- Bài tập ứng dụng hoặc mini-project</li> <li>- Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ chuẩn bị trước giờ học</li> <li>- Mức độ tham gia và tương tác trên lớp</li> <li>- Khả năng vận dụng kiến thức</li> <li>- Tính chủ động và tự học</li> </ul>
Lớp học đảo ngược (Flipped Classroom)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài kiểm tra ngắn (quiz) sau khi học tài liệu/video trước buổi học</li> <li>- Thảo luận, giải quyết bài tập hoặc tình huống trên lớp</li> <li>- Bài tập ứng dụng cá nhân/nhóm</li> <li>- Mức độ tham gia và tương tác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ chuẩn bị trước lớp</li> <li>- Khả năng vận dụng kiến thức trên lớp</li> <li>- Mức độ tham gia và hợp tác</li> <li>- Tính chủ động và tự học</li> </ul>
Học tập hợp tác (Collaborative Learning)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chung của nhóm (bài tập, đồ án, báo cáo)</li> <li>- Thuyết trình và phản biện nhóm</li> <li>- Đánh giá quá trình làm việc (process evaluation)</li> <li>- Tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng giữa các thành viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất lượng sản phẩm nhóm</li> <li>- Hiệu quả hợp tác</li> <li>- Đóng góp cá nhân</li> <li>- Kỹ năng giao tiếp và phản biện</li> </ul>
Học tập phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm/giải pháp thiết kế phục vụ cộng đồng</li> <li>- Báo cáo tổng kết dự án và minh chứng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ đáp ứng nhu cầu cộng đồng</li> <li>- Năng lực chuyên môn thiết kế</li> <li>- Tinh thần trách nhiệm xã hội</li> </ul>

Phương pháp giảng dạy	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá
(Service Learning)	triển khai thực tế - Nhật ký phản tư (reflection report) - Ý kiến phản hồi từ đối tác/đơn vị thụ hưởng	- Khả năng phản tư và học tập từ trải nghiệm
Học tập thông qua các hoạt động thực tế (Work-Integrated Learning (WIL))	- Báo cáo thực tập/nhật ký công việc tại doanh nghiệp - Sản phẩm hoặc nhiệm vụ chuyên môn được giao - Nhận xét của đơn vị tiếp nhận (supervisor evaluation) - Báo cáo tổng kết và thuyết trình trước hội đồng	- Năng lực chuyên môn thực tế - Kỹ năng nghề nghiệp - Thái độ và đạo đức nghề nghiệp - Khả năng phản tư và phát triển bản thân
Học tập dựa trên truy vấn (Inquiry-Based Learning)	- Đề xuất câu hỏi nghiên cứu/vấn đề truy vấn - Báo cáo nghiên cứu hoặc tiểu luận phân tích - Trình bày kết quả và phản biện học thuật - Nhật ký quá trình nghiên cứu	- Chất lượng câu hỏi nghiên cứu - Năng lực thu thập và xử lý thông tin - Tư duy phản biện và sáng tạo - Kỹ năng trình bày học thuật
Seminar - Phản biện học thuật	- Bài trình bày học thuật; - Bài tiểu luận; - Báo cáo nghiên cứu; - Phản biện chéo giữa các nhóm.	- Khả năng phân tích tài liệu; - Lập luận khoa học; - Tính mới và chiều sâu nội dung; - Kỹ năng trình bày và phản biện.
Jury / Crit Session Học tập tích hợp	- Báo cáo thực tập; - Nhật ký công việc; - Nhận xét của đơn vị tiếp nhận; - Bảo vệ trước hội đồng.	- Năng lực vận dụng kiến thức vào thực tế; - Tác phong nghề nghiệp; - Kỹ năng làm việc nhóm; - Ý thức kỷ luật và đạo đức nghề nghiệp.
Hội đồng đánh giá đồ án (Jury / Crit Session)	- Bản nghiên cứu ý tưởng, phân tích bối cảnh và người dùng - Phát triển concept và phương án thiết kế - Hồ sơ kỹ thuật (bản vẽ, mô hình, vật liệu, giải pháp bền vững) - Hình ảnh sản phẩm hoàn thiện - Nhật ký học tập và tự đánh giá	- Tính học thuật và nghiên cứu - Năng lực sáng tạo và đổi mới - Năng lực chuyên môn thiết kế - Năng lực trình bày và truyền đạt - Mức độ phát triển cá nhân
Đánh giá dựa trên hồ sơ năng lực (Portfolio-Based Assessment)	- Hồ sơ thiết kế hoàn chỉnh; - Mô hình hoặc mô phỏng số; - Thuyết minh khoa học; - Bảo vệ trước hội đồng chuyên môn.	- Tính sáng tạo và ý tưởng; - Mức độ tích hợp bền vững; - Giải pháp kỹ thuật - công nghệ; - Tính khả thi và hiệu quả kinh tế; - Kỹ năng trình bày và bảo vệ.

## 6. Nội dung chương trình đào tạo

### 6.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng-an ninh): **133 tín chỉ**

(i) Khối kiến thức giáo dục đại cương: **33 tín chỉ**

Khối kiến thức bắt buộc theo quy định của ĐHQGHN: **21 tín chỉ**

Khối kiến thức đại cương theo yêu cầu của đơn vị đào tạo: **12 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 9 tín chỉ

+ Tự chọn: 3 tín chỉ/9 tín chỉ

(ii) Thành phần cơ sở và cốt lõi ngành: **82 tín chỉ**

Khối kiến thức cơ sở ngành: **32 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 23 tín chỉ

+ Tự chọn: 9 tín chỉ/18 tín chỉ

Khối kiến thức cốt lõi ngành, chuyên ngành: **47 tín chỉ**

+ Bắt buộc: 32 tín chỉ

+ Tự chọn: 15 tín chỉ/51 tín chỉ

Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn): **3/6 tín chỉ**

(iii) Thực tập và trải nghiệm: **9 tín chỉ**

(iv) Tốt nghiệp: **9 tín chỉ**

### 6.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
<b>I</b>		<b>THÀNH PHẦN GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>33</b>				
<b>1.1</b>		<b>Khối kiến thức chung</b> (không tính số tín chỉ Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, Kỹ năng bổ trợ)	<b>21</b>				
1	PHI1006	Triết học Mác - Lênin <i>Marxist-Leninist Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin <i>Marx-Lenin Political Economy</i>	2	28	4	68	PHI1006
3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	2	28	4	68	PHI1006
4	HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	2	28	4	68	
5	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's Ideology</i>	2	28	4	68	

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
6	VNU1001	Nhập môn công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo <i>Introduction to Digital Technology and Applications of Artificial Intelligence</i>	3	25	40	85	
7	THL1057	Nhà nước và Pháp luật đại cương <i>General State and Law</i>	2	25	10	65	
8		Ngoại ngữ B1 <i>Foreign Language B1</i>	5	70	10	170	
	FLF1107	Tiếng Anh B1 <i>English B1</i>	5	70	10	170	
	FLF1307	Tiếng Pháp B1 <i>French B1</i>	5	70	10	170	
	FLF1407	Tiếng Trung B1 <i>Chinese B1</i>	5	70	10	170	
9		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
10		Giáo dục quốc phòng - an ninh <i>National Defense Education</i>	8				
11	ASI1001	Kỹ năng bổ trợ <i>Supplementary Skills</i>	3				
<b>1.2</b>		<b>Khối kiến thức đại cương theo lĩnh vực</b>	<b>12</b>				
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>9</b>				
12	FAD1001	Lịch sử nghệ thuật <i>History of Arts</i>	3	30	30	90	
13	CIH1001	Cơ sở văn hóa Việt Nam <i>Fundamentals of Vietnamese Culture</i>	3	40	10	100	
14	ALD1001	Nhập môn kiến trúc <i>Introduction to Architecture</i>	3	45	0	105	
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>3/9</b>				
15	SOC1051	Xã hội học đại cương <i>General Sociology</i>	3	42	6	102	
16	FAD1004	Không gian sáng tạo <i>Creative Space and Places</i>	3	30	30	90	
17	AUS1002	Đại cương về phát triển bền vững <i>Introduction to Sustainable Development</i>	3	40	10	100	
<b>II</b>		<b>THÀNH PHẦN CƠ SỞ VÀ CỐT LÕI NGÀNH</b>	<b>82</b>				
<b>2.1</b>		<b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>32</b>				
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>23</b>				
18	ALD3001	Cơ sở kiến trúc <i>Introduction to Architecture</i>	3	45	0	105	

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
19	ALD2004	Hình học họa hình <i>Graphics Geometry</i>	3	40	10	100	
20	ASI2001	Nguyên lý thiết kế nội thất <i>Interior Design Principles</i>	3	30	30	90	
21	ASI2002	Nhân trắc học trong thiết kế nội thất <i>Anthropometry in Interior Design</i>	2	15	30	55	
22	FAD2002	Hình họa 1 <i>Drawing 1</i>	3	15	60	75	
23	FAD2003	Hình họa 2 <i>Drawing 2</i>	3	15	60	75	
24	ASI2004	Lịch sử và các trào lưu phong cách kiến trúc nội thất <i>History and Movements of Interior Styles</i>	3	30	30	90	
25	ASI2005	Thiết kế bền vững (nội thất) <i>Sustainable Interior Design</i>	3	30	30	90	
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>9/15</b>				
26	FAD1003	Tư duy thiết kế sáng tạo <i>Creative Design Thinking</i>	3	30	30	90	
27	FAD2004	Thiên nhiên trong thiết kế <i>Insights into Nature</i>	2	10	40	50	
28	FAD2001	Cơ sở tạo hình <i>Fundamentals of Figure Design</i>	3	15	60	75	
29	FAD2007	Kể chuyện trong thiết kế sáng tạo <i>Storytelling in Creative Design</i>	3	40	10	100	
30	FAD2006	Vẽ ký họa <i>Sketch</i>	2	10	40	50	
31	FAD2014	Nhập môn điêu khắc <i>Introduction to Sculpture</i>	2	5	50	45	
<b>2.2</b>		<b>Khối kiến thức cốt lõi ngành, chuyên ngành</b>	<b>47</b>				
		<b>Các học phần bắt buộc</b>	<b>32</b>				
32	ASI3001	Nguyên tắc chiếu sáng bền vững cho nội thất <i>Principles of Sustainable Lighting for Interiors</i>	2	15	30	55	ALD3001
33	ASI3002	Vẽ thiết kế 2D <i>2D Drawing</i>	3	15	60	75	
34	ASI3003	Vẽ thiết kế 3D <i>3D Drawing</i>	3	15	60	75	
35	ASI3004	Bản sắc văn hóa và thiết kế nội thất <i>Cultural Identity and Design</i>	3	15	60	75	ASI2002
36	ASI3005	Thiết kế đồ đạc và Trang thiết bị nội thất <i>Furniture and Interior Equipment Design</i>	3	30	30	90	ASI2002

TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
37	ASI3006	Cấu tạo, công nghệ và vật liệu nội thất <i>Structure, technology and materials for Interiors</i>	3	15	60	75	ALD3001
38	ASI3007	Kỹ thuật thi công và triển khai bản vẽ nội thất <i>Construction and Interior Drawings Implementation Techniques</i>	3	15	60	75	ALD3001
39	ASI3008	Đồ án chuyên ngành 1: Nhà ở và các loại hình lưu trú <i>Studio 01: Interior Residential</i>	3	30	30	90	ASI2001
40	ASI3009	Đồ án chuyên ngành 2: Công trình thương mại và dịch vụ <i>Studio 02: Commercial Buildings &amp; Space of Service Works</i>	3	30	30	90	ASI2001
41	ASI3010	Đồ án chuyên ngành 3: Văn phòng làm việc <i>Studio 03: Office</i>	3	30	30	90	ASI2001
42	ASI3011	Đồ án chuyên ngành 4: Công trình văn hóa <i>Studio 04: Cultural Works</i>	3	30	30	90	ASI2001
		<b>Các học phần tự chọn</b>	<b>15/51</b>				
		<b>Định hướng phát triển kỹ năng thiết kế</b>	<b>15</b>				
43	ASI3012	Đồ án chuyên ngành 5: Công trình giáo dục-y tế <i>Studio 05: Educational and Medical Works</i>	3	30	30	90	ASI2001
44	ASI3013	Đồ án chuyên ngành 6: Công trình bảo tồn và cải tạo <i>Studio 06: Conservation and Renovation Works</i>	3	30	30	90	ASI2001
45	ASI3014	Đồ án chuyên ngành 7: Không gian tổ chức sự kiện <i>Studio 07: Exhibition and Event-Organizing Space</i>	3	30	30	90	ASI2001
46	ASI3015	Thiết kế ngoại thất <i>Interior Landscape Design</i>	3	30	30	90	
47	ASI3016	Workshop Thiết kế nội thất thông minh <i>Smart Interior Design Workshop</i>	3	30	30	90	ASI2002
		<b>Định hướng phát triển kỹ năng kỹ thuật, công nghệ</b>	<b>15</b>				
48	ASI3017	Minh họa nội thất <i>Interior Illustration</i>	3	30	30	90	
49	ASI3018	Công nghệ thực tế ảo trong thiết kế nội thất <i>Reality Technology in Interior Design</i>	3	30	30	90	
50	ASI3019	AI và ứng dụng trong thiết kế <i>Artificial Intelligence and Applications in Design</i>	3	30	30	90	



TT	Mã học phần	Học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết (1)	Thực hành (2)	Tự học (3)	
51	ASI3020	Thiết kế trong in 3D <i>Design in 3D printing</i>	3	30	30	90	
52	ASI3021	Thiết kế thuật toán <i>Computational Design</i>	3	15	60	75	ALD3001
		<b>Định hướng phát triển kỹ năng quản lý dự án</b>	<b>15</b>				
53	ASI3022	Phương pháp quản lý và triển khai dự án nội thất <i>Methods of Managing and Implementing Interior Design Projects</i>	3	30	30	90	
54	ASI3023	Pháp luật xây dựng và tiêu chuẩn thiết kế <i>Construction laws and design standards</i>	3	30	30	90	
55	ASI3024	Dự toán chi phí và định giá <i>Cost estimation and pricing</i>	3	30	30	90	
56	BMR2053	Xây dựng và quản trị thương hiệu nội thất <i>Branding Management of Interior</i>	3	30	30	90	
57	ASI3027	Chứng chỉ hệ thống công trình xanh <i>Green Building Certificate Systems</i>	3	30	30	90	
<b>2.3</b>		<b>Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn)</b>	<b>3/6</b>				
58	ASI3025	Luật sở hữu trí tuệ <i>Intellectual Property Law</i>	3	30	30	90	
59	ASI3026	Marketing và phát triển thương hiệu cá nhân <i>Marketing and personal brand development</i>	3	30	30	90	
<b>III</b>		<b>THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM</b>	<b>9</b>				
60	ASI4001	Thực tập nghề nghiệp 1 <i>Internship 1</i>	3	5	80	65	
61	ASI4002	Thực tập nghề nghiệp 2 <i>Internship 2</i>	3	5	80	65	
62	ASI4003	Thực tập nghề nghiệp 3 <i>Internship 3</i>	3	5	80	65	
<b>IV</b>		<b>TỐT NGHIỆP</b>	<b>9</b>				
63	ASI4070	Khóa luận/Đồ án/Dự án tốt nghiệp <i>Capstone Project</i>	9	15	240	195	
		<b>TỔNG</b>	<b>130</b>				

Lưu ý: Trong số các học phần tự chọn thuộc kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành của chương trình đào tạo, sinh viên được phép lựa chọn và đăng kí các học phần thuộc các chương trình đào tạo khác của Trường với thời lượng không quá 10% số tín chỉ tích lũy của chương trình đào tạo.

Ghi chú: Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá; đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

(1): Lý thuyết.

(2): Thực hành, thí nghiệm, thảo luận.

(3): Thực tập, nghiên cứu, tự học có kiểm tra đánh giá.